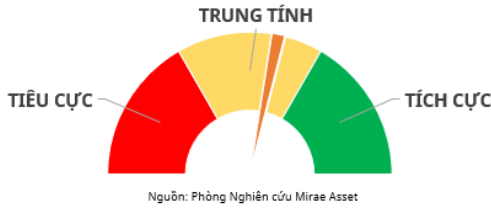


08 Tháng 08, 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,256.75	0.3	7.3	-6.3
HNX	301.33	0.5	8.5	-7.4
UPCOM	92.32	1.1	6.2	4.6
MSCI EM	1,002.87	0.8	0.3	-22.4
NIKKEI	28,249.24	0.3	6.5	1.5
HANG SENG	20,045.77	-0.8	-7.7	-23.4
KOSPI	2,493.10	0.1	6.1	-23.8
FTSE	7,470.75	0.4	3.8	4.9
S&P 500	4,145.19	-0.2	6.3	-6.6
NASDAQ	12,657.55	-0.5	8.8	-14.7

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.4	2.1	15.5
Indonesia	15.5	2.2	13.3
Philippines	18.1	1.6	9.4
Malaysia	16.2	1.5	9.1
Thailand	17.0	1.6	9.2

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.0	0	0	0
5 năm	3.1	1	69	209
10 năm	3.6	-1	32	149

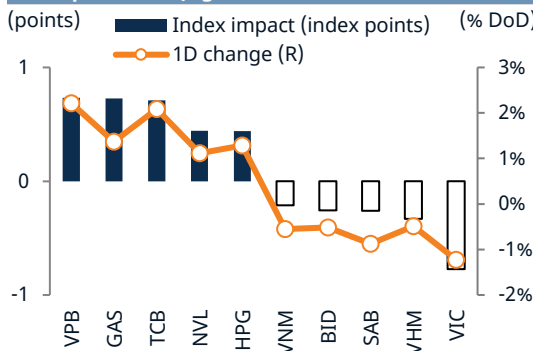
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,390	0.0	-0.1	-2.0
US\$/KRW	1,306.4	-0.6	-0.5	-12.4
US\$/JPY	135.1	-0.1	0.7	-18.4
US\$/EUR	1.0	-0.1	0.0	15.2
US\$/GBP	0.8	-0.1	-0.4	14.6
US\$/SGD	1.4	0.1	1.4	-1.7

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	571	486	899
HNX	73	56	116
UPCOM	39	30	70

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Phục hồi vững vàng

VN-Index bước vào tuần thứ 5 phục hồi liên tiếp kể từ vùng đáy 1.150 điểm được thiết lập vào Tháng 7. Phiên giao dịch Thứ 2 đầu tuần tiếp tục ghi nhận xu thế giao dịch giằng co nhưng cuối phiên vẫn kết thúc trong sắc xanh, vì thế càng củng cố cho xu hướng phục hồi của thị trường. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 15.799 tỷ đồng, HNX: 1.936 tỷ đồng, UPCOM: 891 tỷ đồng

Trong phiên tăng điểm hôm nay, vẫn là một số ngành quen thuộc trong thời gian qua dẫn đầu đà tăng: Dầu khí, Thủy sản, Bán lẻ và Thép. Trong đó PVD, ANV và FRT là 3 mã mạnh nhất khi tăng trần hôm nay. Toàn sàn HOSE với số mã tăng (271) áp đảo so với số mã giảm (189), tiếp tục chuỗi những ngày giao dịch tích cực.

Khối ngoại hôm nay bán ròng nhẹ gần 90 tỷ đồng, với HPG, VNM bị bán nhiều nhất với giá trị lần lượt là 80 tỷ và 56 tỷ.

Phiên giao dịch tăng điểm nhẹ và điểm số kỹ thuật vẫn được cải thiện. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức +3, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 13,4x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	3	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	5	KHẢ QUAN
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	6	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	3	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (08/08/2022)	1.252	Kháng cự 1 1.250
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.220
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.170

Xu hướng phục hồi trong ngắn hạn càng được củng cố. Trước mắt, vùng kháng cự ngắn hạn nằm ở vùng 1.280-1.300 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (08/08/2022)	1.266	Kháng cự 1	1.260
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.300
VN30 - đóng cửa	1.276	Hỗ trợ 1	1.200
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-10,7	Hỗ trợ 2	1.180

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	0	TRUN TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	5	KHẢ QUAN

Dù vẫn là phiên tăng điểm nhưng VN30F1M giao động trong biên độ rất hẹp khi spread trong ngày chỉ hơn 6 điểm. Vì thế điểm kỹ thuật intraday chỉ ở mức trung tính.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
DGW	Bán lẻ	64,900	532,620	95	5	
PET	Bán lẻ	38,050	618,590	88	5	
REE	Điện	82,000	1,013,590	93	5	
MBS	Chứng khoán	25,100	1,770,525	79	5	
ANV	Thủy sản	49,850	1,252,820	90	5	Top sức mạnh ngành
PC1	Điện	39,800	1,387,370	88	5	
VCI	Chứng khoán	46,000	4,979,270	99	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VOS	18.45	1,814,380	7	KHẢ QUAN	2,583	4.4	2.0	33
VND	22.15	23,383,780	5	KHẢ QUAN	26,975	6.3	1.9	518
VPB	30	10,813,045	5	KHẢ QUAN	133,364	8.0	1.5	324
VCI	46	4,979,270	5	KHẢ QUAN	15,410	10.1	2.2	229
CEO	34.4	6,519,180	5	KHẢ QUAN	8,852	35.5	2.9	224
NKG	21.7	10,121,740	5	KHẢ QUAN	5,713	3.1	0.9	220
SHS	14.8	13,355,250	5	KHẢ QUAN	6,989	9.7	1.3	198
HSG	20.75	8,068,960	5	KHẢ QUAN	10,341	4.9	0.9	167
TCB	39.2	4,265,930	5	KHẢ QUAN	137,628	6.8	1.3	167
PVS	25	6,562,495	5	KHẢ QUAN	11,949	22.4	1.0	164
DPM	48.6	2,845,785	5	KHẢ QUAN	19,019	3.8	1.6	138
DCM	33.55	3,832,980	5	KHẢ QUAN	17,761	4.8	1.8	129
FRT	80.2	1,506,225	5	KHẢ QUAN	9,501	16.0	5.2	121
PVD	18	5,615,035	5	KHẢ QUAN	10,006	#N/A N/A	0.7	101
VIX	13.2	7,366,020	5	KHẢ QUAN	7,249	6.4	1.2	97
REE	82	1,013,590	5	KHẢ QUAN	29,143	12.4	2.0	83
NLG	42.15	1,734,380	5	KHẢ QUAN	16,141	20.6	1.9	73
ANV	49.85	1,252,820	5	KHẢ QUAN	6,337	13.0	2.3	62
IDI	21.2	2,683,975	5	KHẢ QUAN	4,826	9.3	1.4	57
PC1	39.8	1,387,370	5	KHẢ QUAN	9,359	19.2	1.9	55
FCN	16.55	3,002,730	5	KHẢ QUAN	2,606	84.8	1.0	50
ASM	16.55	2,977,765	5	KHẢ QUAN	5,570	6.7	1.0	49
GVR	25.1	1,854,785	5	KHẢ QUAN	100,400	21.3	2.1	47
DPG	48.75	929,085	5	KHẢ QUAN	3,071	8.3	2.0	45
MBS	25.1	1,770,525	5	KHẢ QUAN	6,716	9.9	1.8	44
PVT	21.05	1,937,395	5	KHẢ QUAN	6,813	10.5	1.2	41
DGW	64.9	532,620	5	KHẢ QUAN	10,584	14.4	4.9	35

PLX	42.45	762,385	5	KHẢ QUAN	53,937	82.6	2.3	32
DIG	40.75	8,754,200	4	KHẢ QUAN	24,852	23.1	3.3	357
POW	14	11,198,985	4	KHẢ QUAN	32,786	20.8	1.1	157
FPT	86	1,626,555	4	KHẢ QUAN	94,344	19.0	4.8	140
PNJ	116.7	560,350	4	KHẢ QUAN	28,284	22.0	3.5	65
CTD	63	849,395	4	KHẢ QUAN	4,653	#N/A N/A	0.6	54
APS	17.2	1,863,380	4	KHẢ QUAN	1,428	5.8	1.0	32
GEX	24.5	9,419,225	3	TRUNG TÍNH	20,862	28.9	1.7	231
MBB	27.1	7,633,485	3	TRUNG TÍNH	102,393	6.5	1.5	207
NVL	81.8	2,011,075	3	TRUNG TÍNH	159,496	49.5	4.3	165
HUT	31.2	4,121,335	3	TRUNG TÍNH	10,877	41.4	2.8	129
HAH	69.9	1,267,525	3	TRUNG TÍNH	4,774	7.6	2.5	89
VHC	86	902,080	3	TRUNG TÍNH	15,770	7.7	2.2	78
BCG	16.35	4,615,730	3	TRUNG TÍNH	8,229	8.6	1.1	75
AAA	12.8	5,247,770	3	TRUNG TÍNH	4,893	13.9	0.9	67
TNG	28.9	1,965,830	3	TRUNG TÍNH	2,893	9.9	2.0	57
KSB	29.45	1,472,165	3	TRUNG TÍNH	2,247	11.6	1.2	43
PHR	70	605,540	3	TRUNG TÍNH	9,485	14.3	2.9	42
HDB	25	1,558,180	3	TRUNG TÍNH	50,305	7.2	1.5	39
HHV	15.55	2,278,285	3	TRUNG TÍNH	4,158	14.1	0.6	35
PAN	24.05	1,440,625	3	TRUNG TÍNH	5,024	12.9	1.2	35
GEG	22.8	1,375,735	3	TRUNG TÍNH	7,340	23.4	2.1	31
HPG	23.6	26,521,884	2	TRUNG TÍNH	137,229	5.0	1.4	626
SSI	24.65	20,744,110	2	TRUNG TÍNH	36,732	9.2	1.7	511
STB	25.3	14,621,120	2	TRUNG TÍNH	47,696	13.3	1.3	370
DXG	26.8	9,584,515	2	TRUNG TÍNH	16,282	21.9	1.7	257
SHB	15.15	13,655,955	2	TRUNG TÍNH	40,403	5.5	1.0	207
MWG	62.9	3,150,985	2	TRUNG TÍNH	92,067	18.7	4.1	198
VHM	61.5	2,246,840	2	TRUNG TÍNH	267,794	9.5	2.2	138
CTG	29	4,482,850	2	TRUNG TÍNH	139,367	9.5	1.4	130
HBC	21.25	5,704,850	2	TRUNG TÍNH	5,220	52.1	1.4	121
LPB	15.95	7,443,820	2	TRUNG TÍNH	23,982	5.0	1.0	119
CII	21.25	5,238,755	2	TRUNG TÍNH	5,360	17.0	1.0	111
VCG	23.7	3,970,900	2	TRUNG TÍNH	11,515	10.4	1.5	94
VCB	82	1,082,840	2	TRUNG TÍNH	388,066	#N/A N/A	#N/A N/A	89
HDC	48.4	1,601,415	2	TRUNG TÍNH	5,231	15.2	3.3	78
PDR	53.8	1,431,850	2	TRUNG TÍNH	36,135	17.3	4.7	77
BVH	58.7	1,237,270	2	TRUNG TÍNH	43,574	24.7	2.0	73
GAS	111	648,895	2	TRUNG TÍNH	212,448	16.5	3.6	72
BID	38.8	1,759,295	2	TRUNG TÍNH	196,271	15.1	2.2	68
GMD	52	1,121,065	2	TRUNG TÍNH	15,672	19.2	2.3	58
TPB	28.55	2,025,855	2	TRUNG TÍNH	45,159	8.1	1.6	58
TCH	12.3	4,285,560	2	TRUNG TÍNH	8,219	18.3	0.9	53
VRE	28.7	1,445,300	2	TRUNG TÍNH	65,216	50.3	2.1	41
LDG	10.65	3,833,270	2	TRUNG TÍNH	2,550	17.9	0.8	41
FTS	35.4	1,113,940	2	TRUNG TÍNH	6,791	8.8	2.1	39
NT2	26.95	1,319,855	2	TRUNG TÍNH	7,758	8.6	1.7	36
BSR	25	10,567,750	1	TRUNG TÍNH	77,512	11.9	2.1	264

LCG	12.95	4,938,605	1	TRUNG TÍNH	2,233	11.9	0.9	64
HQC	5.35	9,866,800	1	TRUNG TÍNH	2,550	314.1	0.6	53
HAG	11.85	22,636,400	0	TRUNG TÍNH	10,990	15.5	2.5	268
HCM	27.3	7,829,275	0	TRUNG TÍNH	12,482	10.8	1.6	214
DGC	91.5	2,287,325	0	TRUNG TÍNH	33,969	7.4	3.7	209
DBC	26.8	6,093,145	0	TRUNG TÍNH	6,486	23.7	1.4	163
KDC	68.5	1,250,905	0	TRUNG TÍNH	17,236	30.7	2.6	86
HDG	52.9	1,561,080	0	TRUNG TÍNH	12,940	9.3	2.6	83
VPI	64.7	1,087,640	0	TRUNG TÍNH	14,234	23.9	4.3	70
ACB	24.75	2,821,690	0	TRUNG TÍNH	83,592	7.1	1.6	70
ITA	8	8,269,915	0	TRUNG TÍNH	7,507	23.5	0.7	66
VJC	125.2	492,660	0	TRUNG TÍNH	67,810	180.1	3.9	62
SZC	52.4	908,135	0	TRUNG TÍNH	5,240	19.0	3.7	48
KDH	38.6	835,815	0	TRUNG TÍNH	27,670	22.0	2.5	32
E1VFN30	21.43	1,436,985	0	TRUNG TÍNH	7,708	#N/A Field Not Applicable	#N/A Field Not Applicable	31
KBC	37.9	5,988,760	-2	TRUNG TÍNH	29,092	11.6	1.7	227
IDC	62	2,374,645	-2	TRUNG TÍNH	20,460	10.3	3.8	147
VIC	64.6	1,117,775	-2	TRUNG TÍNH	246,380	#N/A N/A	2.3	72
VGC	58.3	1,141,235	-2	TRUNG TÍNH	26,139	13.4	3.4	67
SCR	12.1	5,018,715	-2	TRUNG TÍNH	4,433	33.7	0.9	61
SBT	18.55	1,763,680	-2	TRUNG TÍNH	11,671	13.4	1.4	33
VNM	72.2	1,649,880	-4	TIÊU CỰC	150,895	17.8	4.4	119
HNG	6.69	15,958,090	-4	TIÊU CỰC	7,416	#N/A N/A	2.6	107
VIB	26.15	2,044,430	-4	TIÊU CỰC	55,116	7.7	2.0	53
MSN	104.8	789,300	-6	TIÊU CỰC	149,206	14.6	5.1	83

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Xuất khẩu tháng 7 của Trung Quốc tăng vượt dự báo, cao nhất từ đầu năm

Kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc tiếp tục tăng tốc trong tháng 7, tạo động lực thúc đẩy nền kinh tế số hai thế giới trong giai đoạn hồi phục sau đại dịch. Tuy nhiên, nhu cầu toàn cầu suy giảm có thể ảnh hưởng tiêu cực tới kim ngạch thương mại của quốc gia này trong thời gian tới. Theo đó, kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc tăng 18% so với cùng kỳ tháng 7 năm 2021, mức tăng mạnh nhất trong năm 2022, theo dữ liệu từ hải quan. Dữ liệu tháng 7 thậm chí cao hơn mức tăng 17,9% trong tháng 6 và dự báo tăng 15% của giới chuyên gia. Đây chính là một trong số ít điểm sáng của nền kinh tế Trung Quốc từ đầu năm nay trong bối cảnh các quy định phòng dịch khắt khe làm đình trệ hoạt động sản xuất kinh doanh và kéo giảm niềm tin người tiêu dùng. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản, trụ cột của nền kinh tế, tiếp tục chìm sâu trong khủng hoảng. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia phân tích dự báo tăng trưởng xuất khẩu của Trung Quốc sẽ chậm lại do nền kinh tế toàn cầu có thể sẽ rơi vào một giai đoạn suy thoái nghiêm trọng trong bối cảnh giá cả hàng hóa tăng cao và các ngân hàng trung ương chạy đua lãi suất. Theo kết quả một khảo sát tư nhân gần đây, nhu cầu hàng hóa đang trong xu hướng giảm với các chỉ số đo lường số lượng đơn hàng và sản lượng sản xuất đều tụt xuống ngưỡng thấp nhất kể từ khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát vào đầu năm 2020. Chỉ số Quản lý thu mua (PMI) tháng 7 của Trung Quốc cũng cho thấy xu hướng giảm của hoạt động sản xuất, làm dấy lên quan ngại quá trình phục hồi của nền kinh tế trong thời gian tới sẽ trở nên khó khăn hơn. Tuy nhiên, cũng đã xuất hiện những bằng chứng cho thấy tình trạng tắc nghẽn chuỗi cung ứng đang có dấu hiệu cải thiện, đúng giai đoạn chuẩn bị cho mùa cao điểm mua sắm cuối năm. Lưu lượng container qua 8 cảng biển lớn nhất Trung Quốc tăng 14,5% trong tháng vừa qua, cao hơn so với mức tăng 8,4% tháng 6, theo dữ liệu công bố bởi Hiệp hội cảng nội địa. Lượng container qua cảng Thượng Hải tăng cao kỷ lục trong tháng 7. Nhập khẩu trong tháng 7 tăng 2,3% trong tháng 7, cao hơn so với tháng 6 nhưng thấp hơn dự báo tăng 3,7% của giới chuyên gia.

PVC: báo lãi ròng nửa đầu gấp đôi cùng kỳ, lỗ ròng tỷ giá tăng mạnh

Theo BCTC hợp nhất quý II của Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí (PVChem - HNX:PVC), doanh thu thuần tăng 31,8% lên hơn 866,7 tỷ đồng. Đơn vị lý giải mức tăng trưởng này phần lớn là do doanh thu của mặt hàng biên lợi nhuận thấp. Giá vốn hàng bán tăng nhiều hơn với 33% lên 813 tỷ đồng, theo đó biên lãi gộp giảm từ 7% xuống 6,2%. Doanh thu tài chính tăng 11,2% lên 3,9 tỷ đồng, song chi phí tài chính ở mức 10,4 tỷ đồng, gấp 5,2 lần cùng kỳ. Các chi phí hoạt động đều giảm trong quý II. Lợi nhuận sau thuế gần 7 tỷ đồng, tăng 19%; lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 3,7 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức 223 triệu đồng cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần tăng 40,1% lên 1.345 tỷ đồng. Trong đó, nguồn thu từ trao đổi hàng hóa chiếm gần 90% với 1.204,5 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 7,9% xuống 7,2%. Với các khoản lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá gia tăng nên khoản danh thu hoạt động tài chính tăng 27% lên 9 tỷ đồng. Song chi phí tài chính gấp 7,3 lần lên 15,4 tỷ đồng. Doanh nghiệp ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá 12,8 tỷ đồng, lỗ ròng từ tỷ giá là 11,9 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức gần 155 triệu đồng cùng kỳ. Kết quả, lợi nhuận sau thuế giảm 10% xuống 7 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 545,3 triệu đồng, cùng kỳ 270 triệu đồng.

HPG: Sản lượng bán hàng của Hòa Phát tháng 7 giảm hơn 12% so với cùng kỳ

Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) vừa công bố sản lượng bán hàng các sản phẩm phôi thép, thép xây dựng, thép cuộn cán nóng đạt 526.000 tấn, giảm 12,3% so với cùng kỳ năm trước và giảm 6% so với tháng trước. Trong đó, các sản phẩm thép xây dựng đóng góp 372.000 tấn, tăng 2% so với tháng 7/2021. Sản lượng thép cuộn cán nóng (HRC) bán ra đạt 150.000 tấn trong tháng vừa qua, giảm 5% so với tháng 7/2021. Các sản

phẩm hạ nguồn HRC như ống thép, tôn mạ đạt 78.000 tấn, riêng ống thép là 60.000 tấn, tăng 38% so với cùng kỳ. Hòa Phát cho biết trong tháng tháng 7, thị trường thép trong nước tiếp tục gặp khó khăn do nhu cầu yếu, thời tiết bắt đầu bước vào mùa mưa. Tuy nhiên sản lượng xuất khẩu thép xây dựng là 147.000 tấn, tăng 81% so với cùng kỳ năm trước. Đây là yếu tố chính giúp thép Hòa Phát duy trì đà tăng sản lượng bán hàng so với năm trước. Lũy kế 7 tháng, Hòa Phát đã sản xuất 4,9 triệu tấn thép thô, tăng 5% so với cùng kỳ 2021. Sản lượng bán hàng thép xây dựng, phi thép và HRC đạt trên 4,5 triệu tấn thép các loại, tăng 5%. Trong đó, thép xây dựng là 2,7 triệu tấn, tăng 25%; sản lượng HRC đóng góp gần 1,6 triệu tấn, tăng 6% so với 7 tháng 2021. Ngoài ra, đơn vị đã cung cấp 437.000 tấn ống thép, 198.000 tấn tôn mạ các loại sau 7 tháng, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

GEX: chuyển nhượng hơn 5 triệu cổ phần PVC - Idico cho công ty con

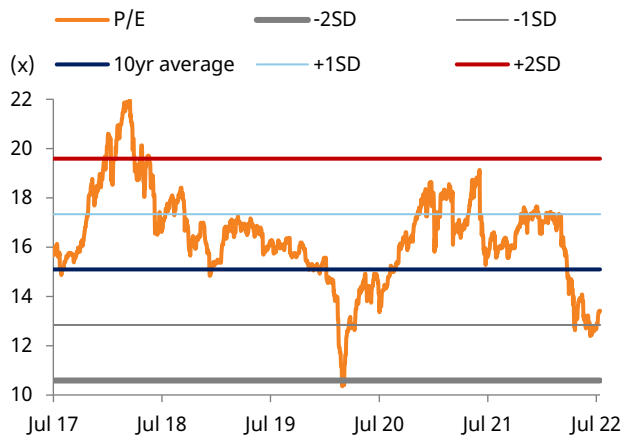
HĐQT Tập đoàn Gelex (HoSE:GEX) ra quyết nghị chuyển nhượng 5,3 triệu cổ phiếu PXL (6,37% vốn điều lệ) của CTCP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (PVC Idico - UPCoM:PXL) cho CTCP Hạ tầng Gelex. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý III. Gelex Hạ tầng có vốn điều lệ 7.900 tỷ đồng, là công ty con của Gelex với tỷ lệ lợi ích 92,88% và tỷ lệ biểu quyết 96,71%. Lĩnh vực hoạt động chính bao gồm đầu tư kinh doanh bất động sản khu công nghiệp, bất động sản thương mại, điện và nước sạch. Theo thông tin Gelex Hạ tầng công bố, đơn vị sở hữu các doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực này bao gồm Tổng Công ty Viglacera (HoSE:VGC), CTCP Đầu tư Nước sạch Sông Đà (Viwasupco), công ty TNHH Điện gió Hường Phùng, CTCP Năng lượng Gelex Quảng Trị, CTCP Hạ tầng Gelex và CTCP Dịch vụ Năng lượng Gelex. Gelex cho biết lý do chuyển cổ phiếu sang cho công ty con tập trung nắm giữ phù hợp với quy định pháp luật theo kế hoạch tái cấu trúc, sắp xếp sở hữu vốn trong tập đoàn. Lượng cổ phiếu này sẽ được chuyển nhượng trên sàn UPCoM theo phương thức giao dịch thỏa thuận. Giá chuyển nhượng bình quân gia quyền trên 1 cổ phiếu không thấp hơn giá gốc bình quân/cp và không quá 10.000 đồng/cp.

SCR: lợi nhuận TTC Land quý II giảm 55%

CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương tín (TTC Land, HoSE: SCR) công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý II với doanh thu thuần 100,3 tỷ đồng, giảm 91,3% so với cùng kỳ. Sự hao hụt doanh thu là do quý này công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bất động sản giảm 94%, đạt 40,5 tỷ đồng và doanh thu từ hoạt động xây dựng giảm 98,8%, đạt 5,3 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp giảm 84,2%, ở mức 32,1 tỷ đồng. Doanh thu tài chính tăng 86% so với quý II năm ngoái, đạt 206,3 tỷ đồng. Chi phí tài chính cũng tăng 138% lên 129 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt giảm 87% và tăng 38,6%. Kết quả, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ giảm 54,8%, đạt 63,9 tỷ đồng. Theo thuyết minh BCTC, doanh thu tài chính chủ yếu đến từ lãi được chia từ các hoạt động hợp tác kinh doanh với 72 tỷ đồng và lãi thanh lý từ các khoản đầu tư với gần 130 tỷ đồng. Trong khi đó, chi phí tài chính tăng do công ty trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư với giá trị 66 tỷ đồng. Dự phòng là cho các khoản đầu tư tài chính khác, bao gồm các khoản mục lớn là CTCP KCN Thành Thành Công với mức đầu tư 527,5 tỷ đồng, CTCP Thương mại và Xây dựng Phước Tân với mức đầu tư 311,2 tỷ đồng và CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (HoSE:HHV) với mức đầu tư 136 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần đạt 495,7 tỷ đồng, giảm 59%; lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 120,6 tỷ đồng, giảm 31,6%. Trong đó, doanh thu chính trong nửa đầu năm của công ty ghi nhận chủ yếu từ dự án Carillon 7 tại quận Tân Phú (TP HCM).

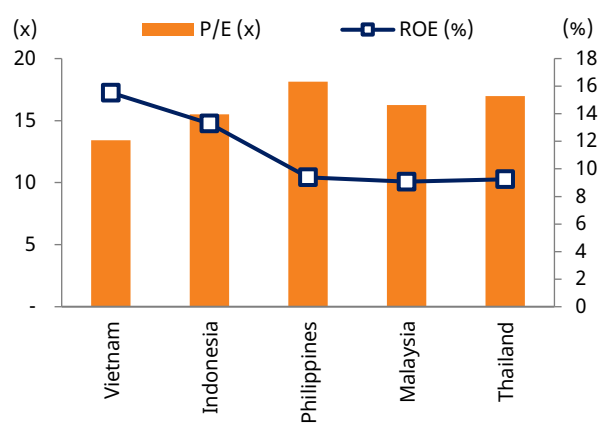
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ 2. VN Index: Định giá P/E lịch sử



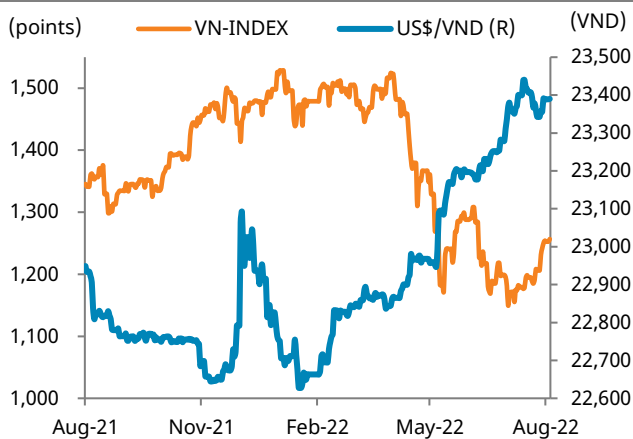
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. Định giá P/E và ROE các thị trường



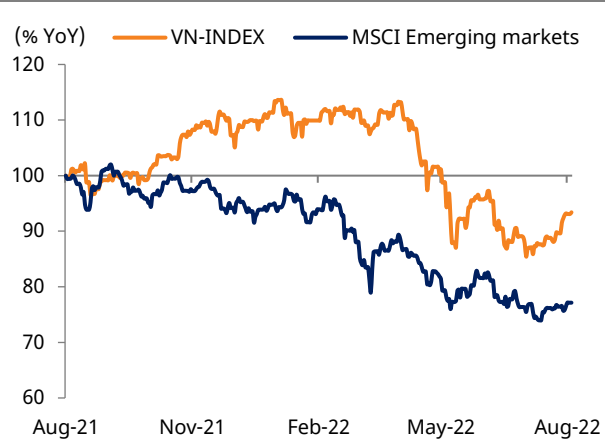
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. VN-Index và USD/VND



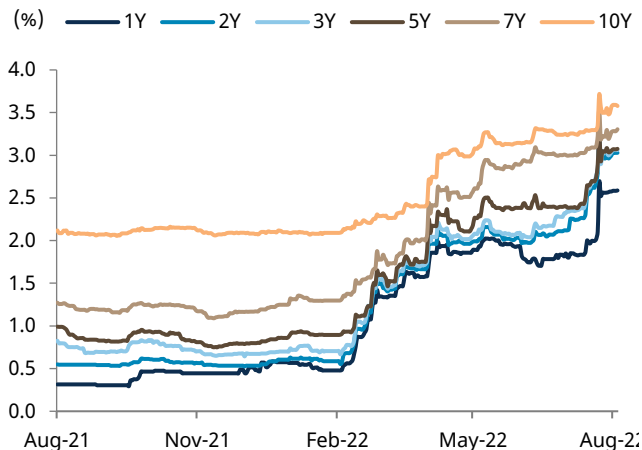
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. VN Index và MSCI Emerging Markets



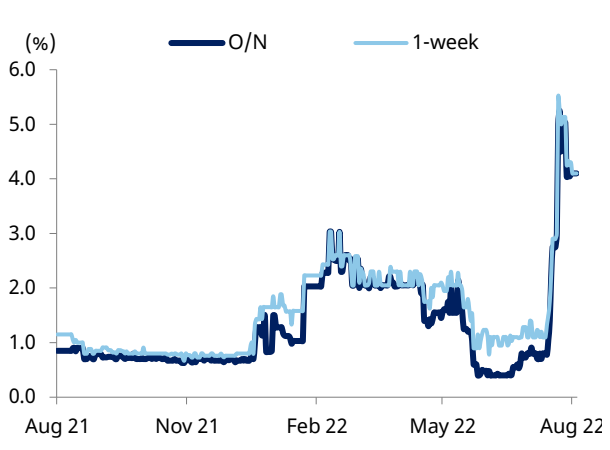
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,256.75	4,977,756		0.3	0.6	7.3	-6.3	14.5	12.0	2.2	2.0	35.3	21.1	15.5	18.8
VN30 Index	VN30	1,276.70	3,461,777		0.4	0.5	3.7	-13.5	12.0	10.5	2.3	1.8	38.5	14.4	19.6	21.3
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,750	83,592	30.0	-0.4	-0.8	3.1	-13.0	8.8	6.7	1.9	1.5	24.6	31.0	23.5	24.8
BIDV	BID VN	38,800	196,271	16.9	-0.5	-1.3	10.9	13.8	22.4	14.7	2.4	2.0	50.3	52.4	11.0	15.5
Bao Viet Holdings	BVH VN	58,700	43,574	26.6	-0.2	0.5	7.5	9.1	23.0	18.3	2.1	1.9	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	29,000	139,367	26.8	0.0	-0.3	12.0	-15.1	9.9	7.4	1.5	1.2	18.2	32.8	15.8	18.1
FPT Corp	FPT VN	86,000	94,344	49.0	0.2	1.4	2.9	6.8	23.7	17.8	5.2	4.5	21.5	33.6	23.4	26.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	111,000	212,448	3.0	1.4	-0.9	16.1	20.1	25.5	15.3	4.2	3.6	8.1	66.3	16.8	24.2
Vietnam Rubber Group	GVR VN	25,100	100,400	0.4	1.4	1.6	18.4	-26.6	24.1	20.6	2.1	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	25,000	50,305	17.1	1.2	0.6	5.5	-10.7	8.2	7.0	1.7	1.4	42.5	18.1	23.3	22.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	23,600	137,229	20.5	1.3	-0.6	5.1	-36.6	4.3	5.0	1.5	1.2	151.5	-14.2	42.8	27.7
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	38,600	27,670	32.1	-0.3	-0.9	7.1	2.6	23.7	19.8	2.7	2.4	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	27,100	102,393	23.2	0.6	0.7	8.2	-8.6	8.1	6.6	1.7	1.4	53.0	22.4	23.6	23.7
Masan Group Corp	MSN VN	104,800	149,206	28.9	0.3	-4.7	-0.1	-6.5	17.3	24.4	4.5	3.8	589.7	-29.2	35.1	17.4
Mobile World Investment Corp	MWG VN	62,900	92,067	49.0	0.3	1.8	-3.2	10.0	18.2	14.9	4.4	3.1	18.2	22.6	27.3	25.7
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	81,800	159,496	5.7	1.1	7.3	10.8	-0.3	45.0	30.9	4.5	4.0	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	53,800	36,135	2.5	-0.4	0.0	1.9	-21.6	20.1	#N/A	5.1	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	42,450	53,937	17.6	1.9	3.8	7.9	-19.8	23.7	19.8	2.1	2.1	160.6	19.9	9.7	11.0
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	26,150	55,116	20.5	0.8	-0.2	4.4	-15.3	8.7	6.7	2.3	1.6	39.0	28.7	29.9	28.1
PetroVietnam Power Corp	POW VN	14,000	32,786	2.3	0.0	2.2	7.7	27.3	18.5	16.3	1.1	1.0	-24.2	13.7	6.2	6.5
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	181,000	116,072	62.8	-0.9	-4.7	16.7	16.6	32.9	26.2	5.5	4.9	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	24,650	36,732	24.3	-0.6	4.7	20.8	-29.6	10.1	9.3	1.8	1.4	100.3	8.5	21.0	19.3
Sacombank	STB VN	25,300	47,696	22.8	0.2	-0.6	12.4	-16.5	15.5	14.5	1.4	1.3	30.6	7.4	9.5	11.3
Techcombank	TCB VN	39,200	137,628	22.5	2.1	2.8	4.4	-24.3	7.6	6.4	1.5	1.2	46.1	19.4	21.7	20.8
Tien Phong Bank	TPB VN	28,550	45,159	30.0	-0.9	2.0	5.4	8.6	8.8	12.4	1.7	1.4	28.5	-28.5	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	82,000	388,066	23.5	0.0	3.1	10.8	6.7	19.5	14.6	3.6	2.8	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	61,500	267,794	23.3	-0.5	-0.6	0.8	-29.8	6.8	8.6	2.1	1.8	40.9	-20.5	36.9	21.6
Vingroup JSC	VIC VN	64,600	246,380	12.2	-1.2	-2.1	-7.7	-35.9	#N/A	262.6	2.4	2.4	-145.6	135.9	-2.8	8.4
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	125,200	67,810	16.8	-1.0	-1.4	-2.0	6.6	900.7	44.8	4.0	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.9
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	72,200	150,895	54.7	-0.6	-1.6	-1.1	-17.2	16.0	16.7	4.6	4.4	-5.3	-4.4	29.3	28.3
VPBank	VPB VN	30,000	133,364	17.6	2.2	3.4	4.9	-10.9	11.3	7.0	1.7	1.3	11.6	62.3	17.9	20.3
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,700	65,216	32.1	-0.9	-1.2	6.3	2.7	49.7	28.5	2.1	2.0	-44.8	74.1	4.4	8.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.